

Số :170001410/PCBA-HCM

Tp Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 09 năm 2017

PHIẾU TIẾP NHẬN**Hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng của trang thiết bị y tế thuộc loại A**

- Tên cơ sở công bố: CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN THIẾT BỊ Y TẾ SAO MAI
- Địa chỉ: Số 58 đường Ba Vân, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
- Số văn bản đề nghị của cơ sở : 27/SM-CBDCPT Ngày: 31/08/2017

4. Trang thiết bị y tế thuộc loại A

Tên trang thiết bị y tế: Hộp kẹp dụng cụ, tổ chức dùng trong phẫu thuật tai mũi họng

Chủng loại/mã sản phẩm: Theo phụ lục

Tên cơ sở sản xuất: Theo phụ lục

Địa chỉ cơ sở sản xuất: Theo phụ lục

Tiêu chuẩn áp dụng: ISO 13485 : 2012 + AC : 2012

5. Thông tin về chủ sở hữu trang thiết bị y tế :

Tên chủ sở hữu: SPIGGLE & THEIS MEDIZINTECHNIK GMBH

Địa chỉ chủ sở hữu: Burghof 14 D - 51491 Overath. Đức

6. Thông tin về cơ sở bảo hành:

(1) Tên cơ sở: Công ty TNHH Thiết Bị Y Tế Sao Mai (MORNINGSTAR MEDICAL EQUIPMENT COMPANY, Ltd)

Địa chỉ: 58 Ba Vân, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh

Điện thoại cố định: 028 3948 2236 Điện thoại di động: 090 895 9898 ; 0983 083 666

7. Thành phần hồ sơ:

1	Văn bản công bố tiêu chuẩn áp dụng của trang thiết bị y tế thuộc loại A	X
2	Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng	X
3	Phụ lục chi tiết trang thiết bị y tế	X
4	Bản phân loại trang thiết bị y tế	X
5	Phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất trang thiết bị y tế hoặc Giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng còn hiệu lực tại thời điểm nộp hồ sơ công bố đối với trang thiết bị y tế nhập khẩu.	X
6	Giấy ủy quyền của chủ sở hữu trang thiết bị y tế	X
7	Giấy xác nhận đủ điều kiện bảo hành	X

8	Tài liệu mô tả tóm tắt kỹ thuật trang thiết bị y tế	x
9	Giấy chứng nhận hợp chuẩn hoặc Bản tiêu chuẩn mà chủ sở hữu trang thiết bị y tế công bố áp dụng	x
10	Tài liệu hướng dẫn sử dụng của trang thiết bị y tế	x
11	Mẫu nhãn sẽ sử dụng khi lưu hành tại Việt Nam của trang thiết bị y tế	x

NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ

Phạm Thị Thanh Huyền

BẢNG KÊ CHI TIẾT TRANG THIẾT BỊ Y TẾ HỌ KỆP DỤNG CỤ, TỒ CHỨC DÙNG TRONG PHẪU THUẬT TẠI MŨI HỌNG

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Chủng loại/Mã sản phẩm	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất/ hãng, nước sản xuất	Tên cơ sở chủ sở hữu/nước chủ sở hữu	Tên cơ sở bảo hành	Địa chỉ cơ sở bảo hành
1	Ochsner-Kocher artery forceps, 1:2 teeth, curved, 20.5 cm	Cái	80-390-09	1 Cái/Gói	SPIGGLE & THEIS MEDIZINTECHNIK GMBH Burghof 14 D - 51491 Overath. Đức	SPIGGLE & THEIS MEDIZINTECHNIK GMBH Burghof 14 D - 51491 Overath. Đức	Công Ty TNHH Thiết Bị Y Tế Sao Mai	58 Ba Vân, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
2	Schädel towel clamp, sharp, curved, 9 cm	Cái	80-392-09	1 Cái/Gói				
3	Backhaus towel clamp, sharp, curved, 9 cm	Cái	80-392-11	1 Cái/Gói				
4	Backhaus towel clamp, sharp, curved, 11 cm	Cái	80-392-13	1 Cái/Gói				
5	Backhaus towel clamp, sharp, curved, 13.5 cm	Cái	80-394-09	1 Cái/Gói				
6	Edna-Lorna towel clamp, straight, blunt, 9.5 cm, for paper towels	Cái	80-394-13	1 Cái/Gói				
7	Edna-Lorna towel clamp, straight, blunt, 13.5 cm, for paper towels	Cái	80-396-14	1 Cái/Gói				
8	Bipolare coagulation electrode internally insulated, 27 cm, titanium	Cái	50-400-23	1 Cái/Gói				
9	Monopolar coagulation forceps, rotatable serrated, straight, smoke evacuation, shaft 3.0 mm, 23.5 cm	Cái	50-402-23	1 Cái/Gói				
10	Monopolar coagulation forceps, rotatable, serrated, curved, smoke evacuation, shaft 3.0 mm, 23.5 cm	Cái	50-404-23	1 Cái/Gói				
11	Monopolar coagulation forceps, rotatable, round cups, 4.0 mm, straight, smoke, evacuation, shaft 3.0 mm, 23.5 cm	Cái	50-406-23	1 Cái/Gói				
12	Monopolar electrode, 4 mm connection, ball 2 mm, straight	Cái	80-060-10	1 Cái/Gói				
13	Coagulation suction tube, monopolar, NON-STICK, angled, 3.5 mm OD, suction control, 3.5mm ball end, WL 25.5	Cái	80-062-26	1 Cái/Gói				
14	Coagulation suction tube, monopolar, NON-STICK, angled, 4.0 mm OD, suction control, 4.0mm ball end, WL 25.5cm	Cái	80-063-30	1 Cái/Gói				
15	Coagulation suction tube, monopolar, NON-STICK, angled, 4.0 mm OD, suction control, 4.0mm ball end, WL 28cm	Cái	80-064-13	1 Cái/Gói				
16	Coagulation suction tube, monopolar, NON-STICK, bendable, 4.3mm outer diameter, suction control, 4.3mm ball end, wl 14.5cm	Cái	80-080-13	1 Cái/Gói				
17	Bipolar dissecting scissors, fine, curved, 12 cm	Cái	80-081-14	1 Cái/Gói				
18	Bipolar dissecting scissors, fine, curved, 14 cm	Cái	80-082-17	1 Cái/Gói				
19	Bipolar dissecting scissors, fine, curved, 17.5 cm	Cái	80-083-18	1 Cái/Gói				
20	Bipolar dissecting scissors, standard, curved, 18 cm	Cái	80-100-16	1 Cái/Gói				
21	Bipolar forceps, NON-STICK, straight, tip length 8 mm, 0.5 mm wide, guide pin, 16 cm	Cái	80-100-19	1 Cái/Gói				
22	Bipolar forceps, NON-STICK, straight, tip length 8 mm, 0.5 mm wide, guide pin, 19.5 cm	Cái	80-101-16	1 Cái/Gói				
23	Bipolar forceps, NON-STICK, straight, tip length 8 mm, 1.0 mm wide, guide pin, 16 cm	Cái	80-101-19	1 Cái/Gói				
24	Bipolar forceps, NON-STICK, straight, tip length 8 mm, 1.0 mm wide, guide pin, 19.5 cm	Cái	80-101-22	1 Cái/Gói				
25	Bipolar forceps, NON-STICK, straight, tip length 8 mm, 1.0 mm wide, guide pin, 22 cm	Cái	80-103-16	1 Cái/Gói				
26	Bipolar forceps, NON-STICK, straight, tip length 8 mm, 2.0 mm wide, guide pin, 16 cm	Cái	80-103-19	1 Cái/Gói				
27	Bipolar forceps, NON-STICK, straight, tip length 8 mm, 2.0 mm wide, guide pin, 19.5 cm	Cái	80-105-16	1 Cái/Gói				
28	Bipolar forceps, NON-STICK, straight, angled tip, tip length 8 mm, 0.5 mm wide, guide pin, 16 cm	Cái	80-105-19	1 Cái/Gói				
29	Bipolar forceps, NON-STICK, straight, angled tip, tip length 8 mm, 0.5 mm wide, guide pin, 19.5 cm	Cái	80-106-16	1 Cái/Gói				
30	Bipolar forceps, NON-STICK, straight, angled tip, tip length 8 mm, 1.0 mm wide, guide pin, 16 cm	Cái	80-106-19	1 Cái/Gói				
31	Bipolar forceps, NON-STICK, straight, angled tip, tip length 8 mm, 1.0 mm wide, guide pin, 19.5 cm	Cái	80-106-25	1 Cái/Gói				
32	Bipolar forceps, NON-STICK, straight tip angled, tip length 8 mm, 1.0 mm wide guide pin, 25 cm	Cái	80-107-16	1 Cái/Gói				
33	Bipolar forceps, NON-STICK, straight, angled tip, tip length 8 mm, 2.0 mm wide guide pin, 16 cm	Cái	80-107-19	1 Cái/Gói				
34	Bipolar forceps, NON-STICK, straight, angled tip, tip length 8 mm, 2.0 mm wide guide pin, 19.5 cm	Cái	80-109-16	1 Cái/Gói				
35	Bipolar forceps, NON-STICK, bayonet, guide pin, 0.3 mm, 16 cm, short isolated tip	Cái	80-110-16	1 Cái/Gói				
36	Bipolar forceps, NON-STICK, bayonet, tip length 8 mm, 0.5 mm wide, guide pin, 16 cm	Cái	80-110-19	1 Cái/Gói				
37	Bipolar forceps, NON-STICK, bayonet, tip length 8 mm, 0.5 mm wide, guide pin, 19.5 cm	Cái	80-111-16	1 Cái/Gói				
38	Bipolar forceps, NON-STICK, bayonet, tip length 8 mm, 1.0 mm wide, guide pin, 16 cm	Cái	80-111-19	1 Cái/Gói				
39	Bipolar forceps, NON-STICK, bayonet, tip length 8 mm, 1.0 mm wide, guide pin, 19.5 cm	Cái	80-112-16	1 Cái/Gói				
40	Bipolar forceps, NON-STICK, bayonet, tip length 8 mm, 2.0 mm wide, guide pin, 16 cm	Cái	80-112-19	1 Cái/Gói				
41	Bipolar forceps, NON-STICK, bayonet, tip length 8 mm, 2.0 mm wide, guide pin, 19.5 cm	Cái	80-113-19	1 Cái/Gói				
42	Bipolar forceps, NON-STICK, bayonet, tip length 5 mm, 0.3 mm wide, guide pin, 19.5 cm	Cái	80-114-19	1 Cái/Gói				
43	Bipolar forceps, NON-STICK, bayonet, tip length 5 mm, 0.5 mm wide, guide pin, 19.5 cm	Cái	80-115-19	1 Cái/Gói				
44	Bipolar forceps, NON-STICK, bayonet, tip length 5 mm, 1.5 mm wide, guide pin, 19.5 cm	Cái	80-117-19	1 Cái/Gói				
45	Bipolar forceps, NON-STICK, bayonet, tip angled upwards, tip length 8 mm, 0.3 mm wide, guide pin, 19.5 cm	Cái	80-118-19	1 Cái/Gói				
46	Bipolar forceps, NON-STICK, bayonet, tip angled upwards, tip length 8 mm, 1.0 mm wide, guide pin, 19.5 cm	Cái	80-119-19	1 Cái/Gói				
47	Bipolar forceps, NON-STICK, bayonet, tip angled upwards, tip length 8 mm, 2.0 mm wide, guide pin, 19.5 cm	Cái	80-120-19	1 Cái/Gói				
48	Bipolar forceps, NON-STICK, bayonet, short isolated tip, angled, upwards, guide pin, 1.5mm, 19.5 cm	Cái	80-121-18	1 Cái/Gói				
49	Meuser Bipolar forceps NON-STICK 60° curved, tip length 8 mm, 2.0 mm wide, guide pin, 18 cm	Cái	80-121-90	1 Cái/Gói				
50	Meuser Bipolar forceps NON-STICK, 90° curved, tip length 8 mm, 2.0 mm wide, guide pin, 18 cm	Cái	80-122-18	1 Cái/Gói				

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Chủng loại/Mã sản phẩm	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất/ hãng, nước sản xuất	Tên cơ sở chủ sở hữu/nước chủ sở hữu	Tên cơ sở bảo hành	Địa chỉ cơ sở bảo hành
51	Meuser bipolar forceps with suction 60° curved upwards, 3.2 mm, 21 cm	Cái	80-123-16	1 Cái/Gói	SPIGGLE & THEIS MEDIZINTECHNIK GMBH Burghof 14 D - 51491 Overath. Đức	SPIGGLE & THEIS MEDIZINTECHNIK GMBH Burghof 14 D - 51491 Overath. Đức	Công Ty TNHH Thiết Bị Y Tế Sao Mai	58 Ba Vân, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
52	Bipolar forceps, NON-STICK, angled, extra fine, tip length 8 mm, 0.3 mm wide, guide pin, 16.5 cm	Cái	80-125-03	1 Cái/Gói				
53	Bipolar forceps, NON-STICK, bayonet, tip length 8 mm, 0.3 mm wide, guide pin, 25 cm	Cái	80-125-07	1 Cái/Gói				
54	Bipolar forceps, NON-STICK, bayonet, tip length 8 mm, 0.7 mm wide, guide pin, 25 cm	Cái	80-125-12	1 Cái/Gói				
55	Bipolar forceps, NON-STICK, bayonet, tip length 8 mm, 1.2 mm wide, guide pin, 25 cm	Cái	80-125-20	1 Cái/Gói				
56	Bipolar forceps, NON-STICK, bayonet, tip length 8 mm, 2.0 mm wide, guide pin, 25 cm	Cái	80-127-03	1 Cái/Gói				
57	Bipolar forceps, NON-STICK, bayonet, tip angled upwards, tip length 8 mm, 0.3 mm wide, guide pin, 25 cm	Cái	80-127-07	1 Cái/Gói				
58	Bipolar forceps, NON-STICK, bayonet, tip angled upwards, tip length 8 mm, 0.7 mm wide, guide pin, 25 cm	Cái	80-127-12	1 Cái/Gói				
59	Bipolar forceps, NON-STICK, bayonet, tip angled upwards, tip length 8 mm, 1.2 mm wide, guide pin, 25 cm	Cái	80-127-20	1 Cái/Gói				
60	Bipolar forceps, NON-STICK, bayonet, tip angled upwards, tip length 8 mm, 2.0 mm wide, guide pin, 25 cm	Cái	80-128-03	1 Cái/Gói				
61	Bipolar forceps, NON-STICK, bayonet, tip angled downwards, tip length 8 mm, 0.3 mm wide, guide pin, 25 cm	Cái	80-128-07	1 Cái/Gói				
62	Bipolar forceps, NON-STICK, bayonet, tip angled downwards, tip length 8 mm, 0.7 mm wide, guide pin, 25 cm	Cái	80-128-12	1 Cái/Gói				
63	Bipolar forceps, NON-STICK, bayonet, tip angled downwards, tip length 8 mm, 1.2 mm wide, guide pin, 25 cm	Cái	80-128-20	1 Cái/Gói				
64	Bipolar forceps, NON-STICK, bayonet, tip angled downwards, tip length 8 mm, 2.0 mm wide, guide pin, 25 cm	Cái	80-129-12	1 Cái/Gói				
65	Bipolar forceps, NON-STICK, bayonet, tip angled upwards, long tip, guide pin, 1.2 mm, 25 cm	Cái	80-150-17	1 Cái/Gói				
66	X-FINE bipolar forceps, NON-STICK, bayonet, straight tip, tip length 4 mm, 0.4 mm wide, guide pin, 17 cm	Cái	80-150-20	1 Cái/Gói				
67	X-FINE bipolar forceps, NON-STICK, bayonet, straight tip, tip length 4 mm, 0.4 mm wide, guide pin, 20 cm	Cái	80-150-23	1 Cái/Gói				
68	X-FINE bipolar forceps, NON-STICK, bayonet, straight tip, tip length 4 mm, 0.4 mm wide, guide pin, 23 cm	Cái	80-152-17	1 Cái/Gói				
69	X-FINE bipolar forceps, NON-STICK, bayonet, straight tip, tip length 4 mm, 0.7 mm wide, guide pin 17 cm	Cái	80-152-20	1 Cái/Gói				
70	X-FINE bipolar forceps, NON-STICK, bayonet, straight tip, tip length 4 mm, 0.7 mm wide, guide pin, 20 cm	Cái	80-152-23	1 Cái/Gói				
71	X-FINE bipolar forceps, NON-STICK, bayonet, straight tip, tip length 4 mm, 0.7 mm wide, guide pin, 23 cm	Cái	80-156-20	1 Cái/Gói				
72	X-FINE bipolar forceps, NON-STICK, bayonet, upwards angled tip, tip length 4 mm, 0.4 mm wide, guide pin, 20 cm	Cái	80-156-23	1 Cái/Gói				
73	X-FINE bipolar forceps, NON-STICK, bayonet, upwards angled tip, tip length 4 mm, 0.4 mm wide, guide pin, 23 cm	Cái	80-158-20	1 Cái/Gói				
74	X-FINE bipolar forceps, NON-STICK bayonet,downwards angled tip, tip length 4 mm, 0.4 mm wide, guide pin, 20 cm	Cái	80-158-23	1 Cái/Gói				
75	X-FINE bipolar forceps, NON-STICK, bayonet,downwards angled tip, tip length 4mm, 0.4 mm wide, guide pin, 23 cm	Cái	80-183-14	1 Cái/Gói				
76	Bipolar suction forceps, suction control, bayonet, 1.4 mm, 20 cm	Cái	80-183-20	1 Cái/Gói				
77	Bipolar suction forceps, suction control, bayonet, 2.0 mm, 20 cm	Cái	80-184-22	1 Cái/Gói				
78	Meuser bipolar electrode, 90° curved, WL 8 cm, titanium	Cái	80-185-22	1 Cái/Gói				
79	Meuser bipolar electrode, 45° curved, WL 10.5 cm, Titanium	Cái	80-190-08	1 Cái/Gói				
80	Bipolar electrode for nose, angled, 9 cm working length, titanium	Cái	80-190-11	1 Cái/Gói				
81	Bipolar electrode for tonsils, angled, 11.5 cm working length	Cái	80-191-11	1 Cái/Gói				
82	Bipolar needle electrode for turbinates, angled, 11 cm working length	Cái	80-201-01	1 Cái/Gói				
83	Bipolar ring-forceps, angled, very fine, guide pin, ring diameter 1.0 mm, 16 cm	Cái	80-201-02	1 Cái/Gói				
84	Bipolar ring-forceps, angled, very fine, guide pin, ring diameter 2,0 mm, 16 cm	Cái	80-201-03	1 Cái/Gói				
85	Bipolar ring-forceps, angled, very fine, guide pin, ring diameter 3.0 mm, 16 cm	Cái	80-202-01	1 Cái/Gói				
86	Acoustic neuroma ring-forceps, 70°-80°, curved, upwards, bipolar, angled, very fine, guide pin	Cái	80-202-02	1 Cái/Gói				
87	Acoustic neuroma ring-forceps, 45° curved upwards, bipolar, angled, very fine, guide pin	Cái	80-204-01	1 Cái/Gói				
88	Tilley sponge holding forceps, 7 cm	Cái	10-271-14	1 Cái/Gói				
89	Lucae dressing forceps, bayonet, slender, 2.0 mm, 14 cm	Cái	10-272-01	1 Cái/Gói				
90	Lucae dressing forceps, bayonet, very slender, 1.0 mm, 14 cm	Cái	10-272-02	1 Cái/Gói				
91	Lucae dressing forceps, bayonet, fine, 1:2 teeth, 2.0 mm, 14 cm	Cái	10-273-01	1 Cái/Gói				
92	Troeltsch dressing forceps, angled, 2.0 mm, 12.5 cm	Cái	10-274-00	1 Cái/Gói				
93	Troeltsch dressing forceps, angled, 2.0 mm, 11 cm	Cái	10-274-01	1 Cái/Gói				
94	Troeltsch dressing forceps, angled, 2.0 mm, 15 cm	Cái	10-274-02	1 Cái/Gói				
95	Troeltsch dressing forceps, angled, 2.0 mm, 17 cm	Cái	10-274-03	1 Cái/Gói				
96	Troeltsch dressing forceps, angled, 1:2 teeth, 13 cm	Cái	10-275-00	1 Cái/Gói				
97	Hartmann ear forceps, straight, serrated, 7 x 1.8 mm length 80 mm	Cái	10-276-00	1 Cái/Gói				
98	Hartmann ear forceps, serrated, straight, 1:2 teeth, 2.5 x 10 mm, 8 cm	Cái	10-276-01	1 Cái/Gói				
99	Duckbill ear forceps, beaked, serrated, length 80 mm	Cái	10-277-00	1 Cái/Gói				
100	Hartmann ear forceps, round cups, size 1, 1.5 mm, length 80 mm	Cái	10-278-01	1 Cái/Gói				
101	Hartmann ear forceps, round cups, size 2, 2.0 mm, length 80 mm	Cái	10-278-02	1 Cái/Gói				
102	Hartmann ear forceps, round cups, size 3, 2.5 mm, length 80 mm	Cái	10-278-03	1 Cái/Gói				
103	Hartmann ear forceps, round cups, size 4, 3.0 mm, length 80 mm	Cái	10-278-04	1 Cái/Gói				

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Chung loại/Mã sản phẩm	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất/ hãng, nước sản xuất	Tên cơ sở chủ sở hữu/nước chủ sở hữu	Tên cơ sở bảo hành	Địa chỉ cơ sở bảo hành
104	Hoffmann ear forceps, throughcutting, round, 2,5 mm, length 80 mm	Cái	10-279-00	1 Cái/Gói	SPIGGLE & THEIS MEDIZINTECHNIK GMBH Burghof 14 D - 51491 Overath. Đức	SPIGGLE & THEIS MEDIZINTECHNIK GMBH Burghof 14 D - 51491 Overath. Đức	Công Ty TNHH Thiết Bị Y Tế Sao Mai	58 Ba Vân, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
105	Hoffmann ear forceps, throughcutting, round, 2,0 mm, straight, WL 80 mm	Cái	10-279-01	1 Cái/Gói				
106	Hoffmann ear forceps, throughcutting, round, 2,0 mm, 45° curved upwards, 80 mm working length	Cái	10-279-45	1 Cái/Gói				
107	Hoffmann ear forceps, throughcutting, oval, 1,8 x 3,4 mm, length 80 mm	Cái	10-280-00	1 Cái/Gói				
108	Struempel ear forceps, straight, oval fenestrated, 7,5 x 2,5 mm, WL 80 mm	Cái	10-281-00	1 Cái/Gói				
109	Struempel ear forceps, 45°, oval, fenestrated, 6,5 x 2,5 mm, 87 mm working length	Cái	10-281-45	1 Cái/Gói				
110	Struempel ear forceps, 90°, oval, fenestrated, 6,0 x 2,5 mm, 80 mm length	Cái	10-281-90	1 Cái/Gói				
111	Dressing forceps, anatomical, straight, 3 mm, 14,5 cm	Cái	10-480-14	1 Cái/Gói				
112	Dressing forceps, anatomical, straight, 2 mm, 14,5 cm	Cái	10-481-14	1 Cái/Gói				
113	Dressing forceps, anatomical, straight, 1,7 mm, 14,5 cm	Cái	10-482-14	1 Cái/Gói				
114	Dressing forceps, 1:2 teeth, straight, 2,3 mm, 14,5 cm	Cái	10-483-14	1 Cái/Gói				
115	Dressing forceps, 1:2 teeth, straight, 1,7 mm, 14,5 cm	Cái	10-484-14	1 Cái/Gói				
116	Dressing forceps, 1:2 teeth, straight, 1,4 mm, 14,5 cm	Cái	10-485-14	1 Cái/Gói				
117	McIndoe dressing forceps, anatomical, straight, 1,5 mm, 15 cm	Cái	10-485-15	1 Cái/Gói				
118	DeBakey dressing forceps, atraumatic, straight, 2,0 mm, 16 cm	Cái	10-486-16	1 Cái/Gói				
119	DeBakey dressing forceps, atraumatic, straight, 1,5 mm, 15,5 cm	Cái	10-487-16	1 Cái/Gói				
120	Dressing forceps, TC, anatomical, straight, 1,5 mm, 15 cm	Cái	10-488-15	1 Cái/Gói				
121	Helms dressing forceps, surgical, straight, 2,8 mm, 15 cm	Cái	10-489-15	1 Cái/Gói				
122	DeBakey dressing forceps, angled, atraumatic, 2,0 mm, 15,5 cm	Cái	10-490-16	1 Cái/Gói				
123	Semken dressing forceps, fine, 1:2 teeth, 12,5 cm	Cái	10-492-12	1 Cái/Gói				
124	Semken dressing forceps, fine, 1:2 teeth, 15,5 cm	Cái	10-492-15	1 Cái/Gói				
125	Dressing forceps, anatomical, straight, 1,3 mm, 12 cm	Cái	10-494-12	1 Cái/Gói				
126	Dressing forceps, 1:2 teeth, straight, 1,5 mm, 12 cm	Cái	10-495-12	1 Cái/Gói				
127	Adson dressing forceps, TC, anatomical, 12,5 cm	Cái	10-496-12	1 Cái/Gói				
128	Derlacki ossicle holding forceps, 12,5 cm	Cái	10-497-12	1 Cái/Gói				
129	Wullstein dressing forceps, anatomical, straight, 1,0 mm, 15,5 cm	Cái	10-498-15	1 Cái/Gói				
130	Wullstein dressing forceps, 1:2 teeth, straight, 1,0 mm, 15,5 cm	Cái	10-499-15	1 Cái/Gói				
131	Graefe dressing forceps, anatomical, straight, 0,7 mm, 10 cm	Cái	10-500-10	1 Cái/Gói				
132	Graefe dressing forceps, anatomical, curved, 0,7 mm, 10 cm	Cái	10-501-10	1 Cái/Gói				
133	Graefe dressing forceps, 1:2 teeth, straight, 0,7 mm, 10 cm	Cái	10-502-10	1 Cái/Gói				
134	Graefe dressing forceps, 1:2 teeth, curved, 0,7 mm, 10 cm	Cái	10-503-10	1 Cái/Gói				
135	Hildmann cardilage forceps, straight, 11 cm	Cái	10-504-10	1 Cái/Gói				
136	Jeweler forceps, pointed, 11 cm	Cái	10-507-11	1 Cái/Gói				
137	Jeweler forceps, pointed, 14,5 cm	Cái	10-507-14	1 Cái/Gói				
138	Dressing forceps, tip angled, serrated, 15 cm	Cái	10-508-15	1 Cái/Gói				
139	Dressing forceps, tip angled, 1:2 teeth, 15 cm	Cái	10-509-15	1 Cái/Gói				
140	Electrode insertion forceps, angled, longitudinal groove, 15,5 cm	Cái	10-512-15	1 Cái/Gói				
141	Micro forceps, titanium, blue, anatomical, 1 mm, 15 cm	Cái	10-605-10	1 Cái/Gói				
142	Hartmann ear forceps, serrated, fine, straight, 0,8 x 7,0 mm, 8 cm	Cái	10-700-00	1 Cái/Gói				
143	Hartmann ear forceps, serrated, fine, straight, 0,8 x 4,0 mm, 8 cm	Cái	10-700-01	1 Cái/Gói				
144	Hartmann ear forceps, serrated, curved right, fine, 0,8x4,0 mm, 8 cm	Cái	10-700-02	1 Cái/Gói				
145	Hartmann ear forceps, serrated, left curved, fine, 0,8x4,0 mm, 8 cm	Cái	10-700-03	1 Cái/Gói				
146	Hartmann ear forceps, serrated, curved upwards, fine, 0,8 x 4,0 mm, 8 cm	Cái	10-700-04	1 Cái/Gói				
147	Hartmann ear forceps, serrated, straight, very fine, 0,6 x 4,0 mm, 8 cm, shaft 1,5 mm	Cái	10-700-05	1 Cái/Gói				
148	Hartmann ear forceps, serrated, straight, super fine, 0,6 x 4,0 mm, 8 cm, shaft 1,3 mm	Cái	10-700-06	1 Cái/Gói				
149	Fisch ear forceps, super delicate, smooth, 0,6 x 3,5 mm, 8 cm, *** 1 ring black coated ***	Cái	10-700-07	1 Cái/Gói				
150	Hartmann ear forceps, non serrated, 0,8 x 4,0 mm, 8 cm	Cái	10-700-11	1 Cái/Gói				
151	Hartmann ear forceps, serrated, curved downwards, fine, 0,8 x 4,0 mm, 8 cm	Cái	10-700-14	1 Cái/Gói				
152	Hartmann ear forceps, serrated, fine, straight, 0,8 x 4,0 mm, 8 cm, self closing	Cái	10-701-00	1 Cái/Gói				
153	Hartmann ear forceps, titanium, serrated, straight, fine, 1,0 x 6,0 mm, 8 cm, self closing	Cái	10-702-10	1 Cái/Gói				
154	Hartmann ear forceps, titanium, smooth, straight, fine, self closing, 1,0 x 6,0 mm, 8 cm	Cái	10-702-11	1 Cái/Gói				
155	Micro ear forceps, oval cups, straight, fine, 0,8 x 1,3 mm, 8 cm	Cái	10-703-00	1 Cái/Gói				

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Chủng loại/Mã sản phẩm	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất/ hãng, nước sản xuất	Tên cơ sở chủ sở hữu/nước chủ sở hữu	Tên cơ sở bảo hành	Địa chỉ cơ sở bảo hành
156	Micro ear forceps, oval cups, curved right, fine, 0.8 x 1.3 mm, 8 cm	Cái	10-703-01	1 Cái/Gói	SPIGGLE & THEIS MEDIZINTECHNIK GMBH Burghof 14 D - 51491 Overath. Đức	SPIGGLE & THEIS MEDIZINTECHNIK GMBH Burghof 14 D - 51491 Overath. Đức	HH Thiết Bị Y	58 Ba Vân, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
157	Micro ear forceps, oval cups, left curved, fine, 0.8 x 1.3 mm, 8 cm	Cái	10-703-02	1 Cái/Gói				
158	Micro ear forceps, oval cups, curved upwards, fine, 0.8 x 1.3 mm, 8 cm	Cái	10-703-03	1 Cái/Gói				
159	Micro ear forceps, oval cups, straight, extrafine, 0.5 x 1.0 mm, 8 cm, shaft 1.5 mm	Cái	10-703-04	1 Cái/Gói				
160	Micro ear forceps, oval cups, straight, superfine, 0.5 x 1.0 mm, 8 cm, shaft 1.3 mm	Cái	10-703-05	1 Cái/Gói				
161	Micro ear forceps, oval cups, curved upwards, super fine, 0.5 x 1.0 mm, 8 cm, shaft 1.3 mm	Cái	10-703-06	1 Cái/Gói				
162	Micro ear forceps, oval cups, curved downwards, fine, 0.8 x 1.3 mm, shaft 1.8 mm, 8 cm	Cái	10-703-07	1 Cái/Gói				
163	Hartmann ear forceps, titanium, serrated, straight, fine, 1.0 x 6.0 mm, 8 cm	Cái	10-703-10	1 Cái/Gói				
164	McGee wire closing forceps, 0.8 x 3.5 mm, straight, 8 cm	Cái	10-711-01	1 Cái/Gói				
165	McGee wire closing forceps, 0.8 x 3.5 mm, curved right, 8 cm	Cái	10-711-02	1 Cái/Gói				
166	McGee wire closing forceps 0.8 x 3.5 mm, left curved, 8 cm	Cái	10-711-03	1 Cái/Gói				
167	Fisch-McGee wire closing forceps, 0.6 x 3.5 mm, straight, 8 cm	Cái	10-712-00	1 Cái/Gói				
168	Müller wire closing forceps, 0.8 x 3.5 mm, straight, rounded tip, 8 cm	Cái	10-713-00	1 Cái/Gói				
169	Greven wire closing forceps, 0.8 x 5.0 mm, straight, 8 cm	Cái	10-714-00	1 Cái/Gói				
170	Shortening forceps for middle ear, implants, 1.4 x 4.0 mm, straight, 8 cm	Cái	10-715-00	1 Cái/Gói				
171	Heermann tubular ear forceps, slightly curved, serrated, straight jaws, 96 mm, 9x2 mm	Cái	10-716-00	1 Cái/Gói				
172	Heermann tubular ear forceps, slightly curved, serrated, straight jaws, fine, 70 mm, 7x1 mm	Cái	10-716-01	1 Cái/Gói				
173	Heermann tubular ear forceps, slightly curved, serrated, left curved jaws, 96 mm, 9x2 mm	Cái	10-716-02	1 Cái/Gói				
174	Heermann tubular ear forceps, slightly curved, serrated, right curved jaws 96 mm, 9x2 mm	Cái	10-716-03	1 Cái/Gói				
175	Heermann ear tubular forceps slightly curved, serrated, left curved jaws, fine, 70 mm, 7.0x1.8 mm	Cái	10-716-04	1 Cái/Gói				
176	Heermann ear tubular forceps, slightly curved, serrated, right curved jaws, fine, 70 mm, 7.0x1.8	Cái	10-716-05	1 Cái/Gói				
177	Hartmann-House tubular ear forceps, slightly curved, straight, horizontal opening jaws, WL 7 cm	Cái	10-717-00	1 Cái/Gói				
178	PTFE-protecting sleeve with window for ear forceps, 11.5 cm, autoclavable, 10 pieces / box	Cái	10-719-00	1 Cái/Gói				
179	House pressure forceps, 11 x 14 mm, 18 cm	Cái	10-731-14	1 Cái/Gói				
180	House pressure forceps, 30 x 30 mm, 20 cm	Cái	10-731-30	1 Cái/Gói				
181	Universal ventilation tube inserter	Cái	10-758-00	1 Cái/Gói				
182	Inserter for plastic vent tubes with one each mandrin for 1.00 and 1,14 mm dia.	Cái	10-759-00	1 Cái/Gói				
183	Hartmann nasal dressing forceps, delicate, 18 cm	Cái	20-200-16	1 Cái/Gói				
184	Hartmann nasal dressing forceps, 20 cm	Cái	20-200-20	1 Cái/Gói				
185	Hartmann nasal dressing forceps, small, 16 cm	Cái	20-202-16	1 Cái/Gói				
186	Lister nasal sponge holding forceps, straight, 15,5 cm	Cái	20-205-16	1 Cái/Gói				
187	Westmacott sponge holding forceps, delicate, 20 cm	Cái	20-207-20	1 Cái/Gói				
188	Noyes sponge holding forceps, fine, 13 cm	Cái	20-208-20	1 Cái/Gói				
189	Blakesley nasal forceps, 3.0 mm, 11.5 cm, straight, gold plated grip	Cái	20-215-00	1 Cái/Gói				
190	Blakesley nasal forceps, 3.5 mm, 11.5 cm, straight, gold plated grip	Cái	20-215-01	1 Cái/Gói				
191	Blakesley nasal forceps, 4.0 mm, 11.5 cm, straight, gold plated grip	Cái	20-215-02	1 Cái/Gói				
192	Blakesley nasal forceps, 5.0 mm, 11.5 cm, straight, gold plated grip	Cái	20-215-03	1 Cái/Gói				
193	Blakesley nasal forceps, 6.0 mm, 11.5 cm, straight, gold plated grip	Cái	20-215-04	1 Cái/Gói				
194	Blakesley nasal forceps, 3.0 mm, 15 cm, straight, gold plated grip	Cái	20-215-10	1 Cái/Gói				
195	Blakesley nasal forceps, 4.0 mm, 15 cm, straight, gold plated grip	Cái	20-215-12	1 Cái/Gói				
196	Blakesley nasal forceps, 6.0 mm, 15 cm, straight, gold plated grip	Cái	20-215-14	1 Cái/Gói				
197	Blakesley nasal forceps, 3.0 mm, 11.5 cm, 45° curved upwards, gold plated grip	Cái	20-225-00	1 Cái/Gói				
198	Blakesley nasal forceps, 3.5 mm, 11.5 cm, 45° curved upwards, gold plated grip	Cái	20-225-01	1 Cái/Gói				
199	Blakesley nasal forceps, 4.0 mm, 11.5 cm, 45° curved upwards, gold plated grip	Cái	20-225-02	1 Cái/Gói				
200	Blakesley nasal forceps, 5.0 mm, 11.5 cm, 45° curved upwards, gold plated grip	Cái	20-225-03	1 Cái/Gói				
201	Blakesley nasal forceps, 6.0 mm, 11.5 cm, 45° curved upwards, gold plated grip	Cái	20-225-04	1 Cái/Gói				
202	Blakesley nasal forceps, 3.5 mm, 15 cm, 45° curved upwards, gold plated grip	Cái	20-225-11	1 Cái/Gói				
203	Blakesley nasal forceps, 4.0 mm, 15 cm, 45° curved upwards, gold plated grip	Cái	20-225-12	1 Cái/Gói				
204	Blakesley nasal forceps, 45° curved, upwards, 6.0 mm, 15 cm, gold plated grip	Cái	20-225-14	1 Cái/Gói				
205	Blakesley nasal forceps, 3.5 mm, 11.5 cm, 90° curved upwards, gold plated grip	Cái	20-235-01	1 Cái/Gói				
206	Blakesley nasal forceps, 4.0 mm, 11.5 cm, 90° curved upwards, gold plated grip	Cái	20-235-02	1 Cái/Gói				
207	Blakesley nasal forceps, 5.0 mm, 11.5 cm, 90° curved upwards, gold plated grip	Cái	20-235-03	1 Cái/Gói				

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Chủng loại/Mã sản phẩm	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất/ hãng, nước sản xuất	Tên cơ sở chủ sở hữu/nước chủ sở hữu	Tên cơ sở bảo hành	Địa chỉ cơ sở bảo hành
208	Wigand polyp grasping forceps, 60° curved upwards, 11.5 cm	Cái	20-236-00	1 Cái/Gói	SPIGGLE & THEIS MEDIZINTECHNIK GMBH Burghof 14 D - 51491 Overath. Đức	SPIGGLE & THEIS MEDIZINTECHNIK GMBH Burghof 14 D - 51491 Overath. Đức	Công Ty TNHH Thiết Bị Y Tế Sao Mai	58 Ba Vân, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
209	Struempel-Voss nasal forceps, 45° curved upwards, 11.5 cm	Cái	20-238-00	1 Cái/Gói				
210	Blakesley nasal forceps, left curved, 11.5 cm	Cái	20-240-01	1 Cái/Gói				
211	Blakesley nasal forceps, curved right, 11.5 cm	Cái	20-240-02	1 Cái/Gói				
212	Blakesley nasal forceps, left curved, 16 cm working length	Cái	20-240-11	1 Cái/Gói				
213	Blakesley nasal forceps, curved right, 16 cm working length	Cái	20-240-12	1 Cái/Gói				
214	Takahashi nasal forceps, straight, 11.5 cm	Cái	20-245-01	1 Cái/Gói				
215	Takahashi nasal forceps, 30° curved upwards, 11.5 cm	Cái	20-245-02	1 Cái/Gói				
216	Takahashi nasal forceps, straight, oval, working length 15 cm	Cái	20-245-11	1 Cái/Gói				
217	Takahashi nasal forceps, 30° curved, upwards, oval, working length 15 cm	Cái	20-245-12	1 Cái/Gói				
218	Takahashi nasal forceps, straight, 4.0 mm, 11.5 cm	Cái	20-246-01	1 Cái/Gói				
219	Takahashi nasal forceps, 30° curved, upwards, 4.0 mm, 11.5 cm	Cái	20-246-02	1 Cái/Gói				
220	Watson-Williams nasal forceps, straight, with teeth, 11.5 cm	Cái	20-248-00	1 Cái/Gói				
221	Ferris-Smith nasal forceps, serrated, with hole, 11.5 cm	Cái	20-249-00	1 Cái/Gói				
222	Struycken nasal forceps, straight, throughcutting, 1.0 mm, 11.5 cm	Cái	20-250-00	1 Cái/Gói				
223	Hartmann cutting forceps, round, size 1, 7 mm, 12 cm	Cái	20-252-01	1 Cái/Gói				
224	Hartmann cutting forceps, round, size 2, 8 mm, 12 cm	Cái	20-252-02	1 Cái/Gói				
225	Hartmann cutting forceps, round, size 3, 9 mm, 12 cm	Cái	20-252-03	1 Cái/Gói				
226	Hartmann cutting forceps, round, size 4, 10 mm, 12 cm	Cái	20-252-04	1 Cái/Gói				
227	Schmeden cutting forceps, triangular, size 0, 6 mm, 12 cm	Cái	20-254-00	1 Cái/Gói				
228	Schmeden cutting forceps, triangular, size 1, 7 mm, 12 cm	Cái	20-254-01	1 Cái/Gói				
229	Schmeden cutting forceps, triangular, size 2, 8 mm, 12 cm	Cái	20-254-02	1 Cái/Gói				
230	Schmeden cutting forceps, triangular, size 3, 10 mm, 12 cm	Cái	20-254-03	1 Cái/Gói				
231	Craig septum forceps, sharp, straight, 10 cm	Cái	20-258-00	1 Cái/Gói				
232	Craig-Domnick septum forceps, sharp, left curved, 10 cm	Cái	20-259-00	1 Cái/Gói				
233	Kazanjan rongeur, straight, 19 cm	Cái	20-270-19	1 Cái/Gói				
234	Caplan nasal scissors, double action, angled, 20.5 cm	Cái	20-272-21	1 Cái/Gói				
235	Rowland rongeur, double action, straight, 14.5 cm	Cái	20-274-18	1 Cái/Gói				
236	Kressner turbinate crushing forceps, curved, 3 mm, 22 cm	Cái	20-280-21	1 Cái/Gói				
237	Rubin morcelizer forceps, double action, curved, 19 cm	Cái	20-282-22	1 Cái/Gói				
238	Sleeve for Rubin, morcelizer forceps	Cái	20-282-99	1 Cái/Gói				
239	Cottle-Walsham septum straightening, forceps, straight, 23 cm	Cái	20-287-23	1 Cái/Gói				
240	Ash septum straightening forceps, curved, 22.5 cm	Cái	20-290-22	1 Cái/Gói				
241	Herberhold tissue forceps 2:2 teeth, very delicate, 13.5 cm	Cái	20-705-14	1 Cái/Gói				
242	Adson-Brown forceps 7:8 teeth, 12.5 cm	Cái	20-710-12	1 Cái/Gói				
243	Adson dressing forceps anatomical, 12 cm	Cái	20-711-12	1 Cái/Gói				
244	Adson dressing forceps 1:2 teeth, 12 cm	Cái	20-712-12	1 Cái/Gói				
245	Adson dressing forceps TC, 7:8 teeth, 12.5 cm	Cái	20-713-12	1 Cái/Gói				
246	Adson dressing forceps TC, chirurgical, 1:2 teeth 12 cm	Cái	20-714-12	1 Cái/Gói				
247	Micro Adson forceps, anatomical, 12 cm	Cái	20-715-12	1 Cái/Gói				
248	Micro Adson forceps, chirurgical 1:2 teeth, 12 cm	Cái	20-716-12	1 Cái/Gói				
249	Graefe tissue forceps, 7:8 teeth, 11 cm	Cái	20-718-11	1 Cái/Gói				
250	Cottle lower lateral forceps, bayonet with screws, serrated with thorns 14 cm	Cái	20-720-14	1 Cái/Gói				
251	Gillies tissue forceps, serrated with 1:2 teeth, 15.5 cm	Cái	20-722-15	1 Cái/Gói				
252	Jansen dressing forceps anatomical, bayonet, 2.0 mm, 16 cm	Cái	20-730-16	1 Cái/Gói				
253	Jansen nasal forceps, bayonet, 19 cm	Cái	20-730-19	1 Cái/Gói				
254	Jansen nasal dressing forceps bayonet, 2.0 mm, 16 cm	Cái	20-731-16	1 Cái/Gói				
255	Cottle bone- and cartilage crusher 24 mm wide, with clamp detachable	Cái	20-865-30	1 Cái/Gói				
256	Cottle bone- and cartilage crusher 60 mm wide, with clamp detachable	Cái	20-865-50	1 Cái/Gói				
257	Tolsdorff bone- and cartilage crusher 40 mm Ø, parallel lift serrated plain	Cái	20-867-40	1 Cái/Gói				
258	Tolsdorff bone- and cartilage crusher round, 40 mm Ø, parallel lift plain platform	Cái	20-868-40	1 Cái/Gói				
259	Biopsy forceps, straight, double-action cup 2 x 4 mm, working length 15 cm with irrigation channel	Cái	30-125-00	1 Cái/Gói				

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Chủng loại/Mã sản phẩm	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất/ hãng, nước sản xuất	Tên cơ sở chủ sở hữu/nước chủ sở hữu	Tên cơ sở bảo hành	Địa chỉ cơ sở bảo hành
260	Antrum polyp grasping forceps retrograde opening with irrigation channel, 10 cm	Cái	30-310-01	1 Cái/Gói	SPIGGLE & THEIS MEDIZINTECHNIK GMBH Burghof 14 D - 51491 Overath. Đức	SPIGGLE & THEIS MEDIZINTECHNIK GMBH Burghof 14 D - 51491 Overath. Đức	Công Ty TNHH Thiết Bị Y Tế Sao Mai	58 Ba Vân, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
261	Antrum polyp grasping forceps retrograde opening, rotatable with irrigation channel, 10 cm	Cái	30-311-01	1 Cái/Gói				
262	Antrum polyp grasping forceps retrograde opening, rotatable,with extra long shaft,with irrigation channel,10 cm	Cái	30-311-02	1 Cái/Gói				
263	Throughcutting nasal forceps straight, 5.0 x 1.5 mm 14 cm	Cái	30-320-01	1 Cái/Gói				
264	Throughcutting nasal forceps straight, 6.0 x 2.5 mm 11.5 cm	Cái	30-320-02	1 Cái/Gói				
265	Throughcutting nasal forceps 45° angled, 5.0 x 1.5 mm 14 cm	Cái	30-321-01	1 Cái/Gói				
266	Throughcutting nasal forceps 45° angled, 6.5 x 2.5 mm 11.5 cm	Cái	30-321-02	1 Cái/Gói				
267	Throughcutting nasal forceps curved upwards, 5.0 x 1.5 mm 14 cm	Cái	30-322-01	1 Cái/Gói				
268	Throughcutting nasal forceps curved upwards, 8 x 3 mm, 14 cm	Cái	30-322-02	1 Cái/Gói				
269	Cup forceps, curved upwards, robust 7.0 x 3.0 mm, 14 cm	Cái	30-328-01	1 Cái/Gói				
270	Wigand transecting forceps flat, rounded, 4.0 x 3.0 mm straight, 14 cm	Cái	30-330-01	1 Cái/Gói				
271	Wigand transecting forceps flat, rounded, 4.0 x 3.0 mm 45° angled, 14 cm	Cái	30-330-02	1 Cái/Gói				
272	Herberhold cranial through- cutting forceps, straight, flat 6.0 x 2.0 mm	Cái	30-332-01	1 Cái/Gói				
273	Herberhold cranial through-cutting forceps, straight, flat 11.5 x 2.5 mm	Cái	30-332-02	1 Cái/Gói				
274	Herberhold cranial through-cutting forceps, 60° curved upwards, flat 6.0 x 2.0 mm	Cái	30-333-01	1 Cái/Gói				
275	Herberhold cranial through-cutting forceps, 60° curved upwards flat, 11.5 x 2.5 mm	Cái	30-333-02	1 Cái/Gói				
276	Blakesley nasal forceps throughcutting, straight 3.0 x 2.0 mm, 11.5 cm	Cái	30-340-01	1 Cái/Gói				
277	Blakesley nasal forceps throughcutting, straight 3.5 x 2.5 mm, 11.5 cm	Cái	30-340-02	1 Cái/Gói				
278	Blakesley nasal forceps throughcutting, straight 3.0 x 3.5 mm, 11.5 cm	Cái	30-340-03	1 Cái/Gói				
279	Blakesley nasal forceps throughcutting, 45° curved upwards 3.0 x 2.0 mm, 11.5 cm	Cái	30-342-01	1 Cái/Gói				
280	Blakesley nasal forceps throughcutting, 45° curved upwards 3.5 x 2.5 mm, 11.5 cm	Cái	30-342-02	1 Cái/Gói				
281	Blakesley nasal forceps throughcutting, 45° curved upwards 8.0 x 3.0 mm, 11.5 cm	Cái	30-342-03	1 Cái/Gói				
282	Blakesley nasal forceps, size 1 throughcutting, 6.0 x 2.5 mm, straight	Cái	30-343-01	1 Cái/Gói				
283	Blakesley nasal forceps, size 2 throughcutting, 8.0 x 3.5 mm, straight	Cái	30-343-02	1 Cái/Gói				
284	Blakesley nasal forceps, size 3 throughcutting, 9.0 x 4.2 mm, straight	Cái	30-343-03	1 Cái/Gói				
285	Blakesley nasal forceps, size 4 throughcutting, 10.0 x 5.0 mm, straight	Cái	30-343-04	1 Cái/Gói				
286	Blakesley nasal forceps, size 1 throughcutting, 6.0 x 2.5 mm 45° curved upwards	Cái	30-343-11	1 Cái/Gói				
287	Blakesley nasal forceps, size 2 throughcutting, 8.0 x 3.5 mm 45° curved upwards	Cái	30-343-12	1 Cái/Gói				
288	Blakesley nasal forceps, size 3 throughcutting, 9.0 x 4.0 mm 45° curved upwards	Cái	30-343-13	1 Cái/Gói				
289	Blakesley nasal forceps, size 4 throughcutting, 10.0 x 5.0 mm 45° curved upwards	Cái	30-343-14	1 Cái/Gói				
290	Throughcutting suction forceps straight, 10 cm	Cái	30-344-00	1 Cái/Gói				
291	Throughcutting suction forceps 45° angled, 10 cm	Cái	30-344-45	1 Cái/Gói				
292	Takahashi suction forceps with suction tube, straight, 10 cm	Cái	30-346-00	1 Cái/Gói				
293	Takahashi suction forceps with suction tube, 30° angled, 10 cm	Cái	30-346-30	1 Cái/Gói				
294	Blakesley nasal forceps with suction channel, size 2 4 mm, 10 cm, straight	Cái	30-347-02	1 Cái/Gói				
295	Blakesley nasal forceps, 3.0 mm straight, 130 mm wl, irrigation channel	Cái	30-350-00	1 Cái/Gói				
296	Blakesley nasal forceps, 3.5 mm straight, 130 mm wl, irrigation channel	Cái	30-350-01	1 Cái/Gói				
297	Blakesley nasal forceps, 4.0 mm straight, 130 mm wl, irrigation channel	Cái	30-350-02	1 Cái/Gói				
298	Blakesley nasal forceps, 5.0 mm straight, 130 mm wl, irrigation channel	Cái	30-350-03	1 Cái/Gói				
299	Blakesley nasal forceps, 3.0 mm 45° curved upwards, 130 mm wl irrigation channel	Cái	30-352-00	1 Cái/Gói				
300	Blakesley nasal forceps, 3.5 mm 45° curved upwards, 130 mm wl irrigation channel	Cái	30-352-01	1 Cái/Gói				
301	Blakesley nasal forceps, 4.0 mm 45° curved upwards, 130 mm wl irrigation channel	Cái	30-352-02	1 Cái/Gói				
302	Blakesley nasal forceps, 3.5 mm 90° curved upwards, 130 mm wl irrigation channel	Cái	30-354-01	1 Cái/Gói				
303	Blakesley nasal forceps, 4.0 mm 90° curved upwards, 130 mm wl irrigation channel	Cái	30-354-02	1 Cái/Gói				
304	Blakesley nasal forceps, 3.0 mm straight, throughcutting, WL 130 mm irrigation channel	Cái	30-358-00	1 Cái/Gói				
305	Blakesley nasal forceps, 3.5 mm straight, throughcutting, 130 mm wl irrigation channel	Cái	30-358-01	1 Cái/Gói				
306	Blakesley nasal forceps, 4.0 mm straight, throughcutting, 130 mm wl irrigation channel	Cái	30-358-02	1 Cái/Gói				
307	Blakesley nasal forceps, 3.0 mm 45° curved upwards, throughcutting WL 130 mm, irrigation channel	Cái	30-360-00	1 Cái/Gói				
308	Blakesley nasal forceps, 3.5 mm 45° curved upwards, throughcutting 130 mm wl, irrigation channel	Cái	30-360-01	1 Cái/Gói				
309	Grünwald tubular forceps throughcutting, 45°, straight shaft 1.5mm, length 130 mm, irrigation channel	Cái	30-371-15	1 Cái/Gói				
310	Grünwald tubular forceps,throughcutting straight,shaft 30° curved upwards,2.0mm 130mm working length, irrigation channel	Cái	30-372-20	1 Cái/Gói				
311	Grünwald tubular forceps,throughcutting 45°, shaft 30° curved upwards, 2.5 mm 130mm working length, irrigation channel	Cái	30-373-25	1 Cái/Gói				

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Chung loại/Mã sản phẩm	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất/ hãng, nước sản xuất	Tên cơ sở chủ sở hữu/nước chủ sở hữu	Tên cơ sở bảo hành	Địa chỉ cơ sở bảo hành
312	Grünwald tubular forceps,throughcutting side opening to left, shaft 70° curved upwards,2.0 mm, length 130mm, irrig. ch.	Cái	30-376-20	1 Cái/Gói	SPIGGLE & THEIS MEDIZINTECHNIK GMBH Burghof 14 D - 51491 Overath. Đức	SPIGGLE & THEIS MEDIZINTECHNIK GMBH Burghof 14 D - 51491 Overath. Đức	Công Ty TNHH Thiết Bị Y Tế Sao Mai	58 Ba Vân, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
313	Frontal sinus forceps, vertical transecting, 55°, 2 mm work.length 13.0 cm, irrigation channel	Cái	30-401-01	1 Cái/Gói				
314	Frontal sinus forceps, horizontal transecting, 55°, 2 mm work.length 13.5 cm, irrigation channel	Cái	30-401-02	1 Cái/Gói				
315	Frontal sinus forceps, vertical transecting, 90°, 2 mm work.length 13 cm, irrigation channel	Cái	30-402-01	1 Cái/Gói				
316	Frontal sinus forceps, horizontal transecting, 90°, 2 mm work. length 13 cm, irrigation channel	Cái	30-402-02	1 Cái/Gói				
317	Frontal sinus forceps, 55° 2 mm, vertical, with irrigation channel	Cái	30-404-01	1 Cái/Gói				
318	Frontal sinus punch forceps 55°, 2 mm, horizontal with irrigation channel, 13 cm	Cái	30-404-02	1 Cái/Gói				
319	Frontal sinus forceps, 70° 4 mm, vertical with irrigation channel	Cái	30-405-01	1 Cái/Gói				
320	Frontal sinus forceps, 70° 4 mm, horizontal, w. irrigation channel	Cái	30-405-02	1 Cái/Gói				
321	Frontal sinus forceps, oval cups, 55° 4 mm, vertical, with irrigation channel 13 cm	Cái	30-405-11	1 Cái/Gói				
322	Frontal sinus forceps, oval cups, 55° 4mm, horizontal, with irrigation channel 13 cm	Cái	30-405-12	1 Cái/Gói				
323	Frontal sinus forceps, oval cups 90°, 2 mm, vertical with irrigation channel	Cái	30-407-01	1 Cái/Gói				
324	Frontal sinus forceps, oval cups 90°, 2 mm, horizontal with irrigation channel	Cái	30-407-02	1 Cái/Gói				
325	Frontal sinus forceps, 110° 4 mm, vertical with irrigation channel	Cái	30-408-01	1 Cái/Gói				
326	Frontal sinus forceps, 110° 4 mm, horizontal with irrigation channel	Cái	30-408-02	1 Cái/Gói				
327	Frontal sinus biopsy forceps 70°, 3 mm, vertical	Cái	30-410-01	1 Cái/Gói				
328	Frontal sinus biopsy forceps, 70° 3 mm, horizontal, w. irrigation channel	Cái	30-410-02	1 Cái/Gói				
329	Frontal sinus biopsy forceps, 110° 3 mm, vertical, irrigation channel	Cái	30-411-01	1 Cái/Gói				
330	Frontal sinus biopsy forceps 110°, 3 mm, horizontal with irrigation channel	Cái	30-411-02	1 Cái/Gói				
331	Binner polyp forceps, 45° 3 mm, horizontal with irrigation channel	Cái	30-415-01	1 Cái/Gói				
332	Binner polyp forceps 80°, 3 mm, horizontal with irrigation channel	Cái	30-415-02	1 Cái/Gói				
333	Stylet for removal of bone residue from antrum punch standard (Ø ca. 1.6 mm)	Cái	30-450-90	1 Cái/Gói				
334	Stylet for removal of bone residue from antrum punch, delicate (Ø ca. 1.0 mm)	Cái	30-450-92	1 Cái/Gói				
335	Draf ethmoid forceps straight 7x2.4 mm, 13 cm	Cái	30-720-13	1 Cái/Gói				
336	Draf ethmoid forceps straight, 4 x 1.8 mm, 16 cm	Cái	30-720-16	1 Cái/Gói				
337	Draf ethmoid forceps, straight 7 x 2.4 mm, 19 cm	Cái	30-720-19	1 Cái/Gói				
338	Draf ethmoid forceps 60° angled, 3 x 1 mm, 13 cm	Cái	30-722-13	1 Cái/Gói				
339	Draf ethmoid forceps 60° angled, 3 x 1 mm, 16 cm	Cái	30-722-16	1 Cái/Gói				
340	Draf ethmoid forceps 60° angled 3 x 1 mm, 19 cm	Cái	30-722-19	1 Cái/Gói				
341	Draf ethmoid forceps, 90° angled, 4 x 1.8 mm, 13 cm	Cái	30-724-13	1 Cái/Gói				
342	Draf ethmoid forceps 90° angled, 4 x 1.8 mm, 16 cm	Cái	30-724-16	1 Cái/Gói				
343	Draf ethmoid forceps 90° angled, 4 x 1.8 mm, 19 cm	Cái	30-724-19	1 Cái/Gói				
344	Draf ethmoid forceps, straight, 3 x 1.5 mm, 13 cm	Cái	30-726-13	1 Cái/Gói				
345	Draf ethmoid forceps straight, 3 x 1.5 mm, 16 cm	Cái	30-726-16	1 Cái/Gói				
346	Draf forceps, serrated, straight, fine, 13 cm	Cái	30-728-15	1 Cái/Gói				
347	Draf ethmoid forceps straight, finely serrated, 16 cm	Cái	30-728-16	1 Cái/Gói				
348	Draf ethmoid forceps straight, rough serrated, 16 cm	Cái	30-729-16	1 Cái/Gói				
349	Yasargil dressing forceps, ring ended, 22.5 cm, 3 mm	Cái	30-770-30	1 Cái/Gói				
350	Yasargil dressing forceps, ring ended, 22.5 cm, 5 mm	Cái	30-770-50	1 Cái/Gói				
351	Vogen adenoid curette, straight 21.5 cm, 7 mm	Cái	40-220-01	1 Cái/Gói				
352	Jatho epipharyngeal forceps, 70° curved upwards, vertical opening, tubular model, 15 cm wl, with irrig. channel	Cái	40-220-02	1 Cái/Gói				
353	Jatho epipharyngeal forceps, 70° curved upwards, horizontal opening /tubular model, 15 cm wl, with irrig. channel	Cái	40-225-00	1 Cái/Gói				
354	Jurasz adenoid forceps, 19 cm	Cái	40-226-00	1 Cái/Gói				
355	TubaInstruments scissors 85° curved, toothed, vertical gold plated grip	Cái	40-241-01	1 Cái/Gói				
356	TubaInstruments forceps 85° curved, horizontal gold plated grip	Cái	40-241-02	1 Cái/Gói				
357	TubaInstruments suction tube 85° curved, rounded tip	Cái	40-244-01	1 Cái/Gói				
358	TubaInstruments Blakesley 85° curved, horizontal 2.5 mm, gold plated grip	Cái	40-244-02	1 Cái/Gói				
359	Raspatory Würzburg type one side serrated, one side lancett, 10 mm, 21.5 cm	Cái	40-390-21	1 Cái/Gói				
360	Blohmke tonsil forceps curved, 20 cm	Cái	40-392-19	1 Cái/Gói				
361	Colver tonsil forceps, curved, 19 cm	Cái	40-394-18	1 Cái/Gói				
362	White tonsil forceps, curved, 18 cm	Cái	40-394-23	1 Cái/Gói				
363	White tonsil forceps, curved, 24.5 cm	Cái	40-395-22	1 Cái/Gói				

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Chủng loại/Mã sản phẩm	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất/ hãng, nước sản xuất	Tên cơ sở chủ sở hữu/nước chủ sở hữu	Tên cơ sở bảo hành	Địa chỉ cơ sở bảo hành
364	Ballenger tonsil forceps curved, 2:2 teeth, 20 cm	Cái	40-397-21	1 Cái/Gói	SPIGGLE & THEIS MEDIZINTECHNIK GMBH Burghof 14 D - 51491 Overath. Đức	SPIGGLE & THEIS MEDIZINTECHNIK GMBH Burghof 14 D - 51491 Overath. Đức	Công Ty TNHH Thiết Bị Y Tế Sao Mai	58 Ba Vân, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
365	Tyding tonsil forceps angled, 3:3 teeth, 21 cm	Cái	40-400-20	1 Cái/Gói				
366	Tonsil dressing forceps, serrated small, 2.2 mm, 20 cm	Cái	40-401-20	1 Cái/Gói				
367	Tonsil dressing forceps, serrated large, 3 mm, 20 cm	Cái	40-402-20	1 Cái/Gói				
368	Tonsil dressing forceps, serrated tungsten carbide, 3 mm, 20 cm	Cái	40-405-20	1 Cái/Gói				
369	Tonsil dissecting forceps, 1:2 teeth fine, 2 mm, 20.5 cm	Cái	40-406-20	1 Cái/Gói				
370	Tonsil dissecting forceps, 1:2 teeth, large, 3 mm, 20 cm	Cái	40-407-20	1 Cái/Gói				
371	Tonsil dissecting forceps, 2:3 teeth, large, 3,5 mm, 20 cm	Cái	40-408-16	1 Cái/Gói				
372	Tonsil dissecting forceps 3:4 teeth, large, 5,5 mm, 16 cm	Cái	40-408-20	1 Cái/Gói				
373	Tonsil dissecting forceps, 3:4 teeth large, 5,5 mm, 20 cm	Cái	40-410-20	1 Cái/Gói				
374	DeBakey dressing forceps atraumatic, 2,7 mm, 20 cm	Cái	40-412-20	1 Cái/Gói				
375	Toennis-Adson tonsils scissors, TC supercut, curved, blunt, very fine, 17.5 cm	Cái	40-450-19	1 Cái/Gói				
376	Schmidt tonsil forceps one ring open, slender slightly curved, 19 cm	Cái	40-451-19	1 Cái/Gói				
377	Negus tonsil forceps, slender narrow curve, 20.5 cm	Cái	40-460-19	1 Cái/Gói				
378	Duplay sponge forceps fine, curved, 17.5 cm	Cái	40-474-20	1 Cái/Gói				
379	Gross sponge forceps, curved, 20 cm	Cái	40-475-26	1 Cái/Gói				
380	Gross-Maier sponge forceps, curved 26 cm	Cái	40-477-20	1 Cái/Gói				
381	Kilian laryngeal cotton carrier, curved, solid handle, 24 cm	Cái	40-570-01	1 Cái/Gói				
382	Laryngeal forceps, curved, tubular, shaft, oval cups, vertical, working, length 16.5 cm, with irrigation channel	Cái	40-570-02	1 Cái/Gói				
383	Laryngeal forceps, curved, tubular, shaft, oval cups, horizontal, working, length 17 cm, with irrigation channel	Cái	40-572-01	1 Cái/Gói				
384	Laryngeal forceps, curved, tubular shaft, alligator jaws, vertical, working length 17 cm, irrigation channel	Cái	40-572-02	1 Cái/Gói				
385	Connecting tube, curved, 20 cm	Cái	40-578-00	1 Cái/Gói				
386	Brünings tip, round cups, straight, 3 mm	Cái	40-579-00	1 Cái/Gói				
387	Brünings tip, round cups, curved upwards, 3 mm	Cái	40-580-00	1 Cái/Gói				
388	Seiffert alligator tip, straight	Cái	40-581-00	1 Cái/Gói				
389	Monopolar coagulation forceps, rotatable, fenestrated, oval, straight, smoke, evacuation, shaft 3.0 mm, 23.5 cm	Cái	50-501-10	1 Cái/Gói				
390	Microlaryngoscopy forceps, rotatable, round cups, curved upwards, 2.0 mm, with irrigation channel, 23 cm	Cái	50-501-11	1 Cái/Gói				
391	Micro laryngeal forceps, rotatable, round cups, curved upwards, 2.0 mm, irrigation channel, 18 cm	Cái	50-502-10	1 Cái/Gói				
392	Microlaryngoscopy forceps, rotatable, alligator, curved upwards, with irrigation channel, 23.5 cm	Cái	50-503-10	1 Cái/Gói				
393	Microlaryngoscopy scissors, rotatable, curved upwards, with irrigation channel 23.5 cm	Cái	50-509-00	1 Cái/Gói				
394	Microlaryngoscopy forceps straight, Blakesley jaws, irrig. Channel 8x4 mm, 23 cm	Cái	50-510-01	1 Cái/Gói				
395	Micro laryngeal forceps with irrigation channel, round cups, 2.0 mm, straight, conical shaft, 22 cm	Cái	50-510-02	1 Cái/Gói				
396	Micro laryngeal forceps with irrigation channel, round cups, 2.0 mm, curved upwards, conical shaft, 22 cm	Cái	50-510-03	1 Cái/Gói				
397	Micro laryngeal forceps with irrigation channel, round cups, 2.0 mm, right curved, conical shaft, 22 cm	Cái	50-510-04	1 Cái/Gói				
398	Micro laryngeal forceps with irrigation channel, round cups, 2.0 mm, left curved, conical shaft, 22 cm	Cái	50-510-05	1 Cái/Gói				
399	Micro laryngeal forceps with irrigation, channel, round cups, 2.0 mm, right, curved upwards, conical shaft, 22 cm	Cái	50-510-06	1 Cái/Gói				
400	Micro laryngeal forceps with irrigation channel, round cups, 2.0 mm, left, curved upwards, conical shaft, 23 cm	Cái	50-512-01	1 Cái/Gói				
401	Micro laryngeal forceps with irrigation channel, round cups, 4 mm, straight, 23 cm	Cái	50-512-02	1 Cái/Gói				
402	Micro laryngeal forceps with irrigation channel, round cups, 4.0 mm, curved upwards, 23 cm	Cái	50-512-03	1 Cái/Gói				
403	Micro laryngeal forceps with irrigation channel, round cups, 4.0 mm, right curved, 23 cm	Cái	50-512-04	1 Cái/Gói				
404	Micro laryngeal forceps with irrigation channel, round cups, 4.0 mm, left curved, 23 cm	Cái	50-514-00	1 Cái/Gói				
405	Micro laryng. forceps, irrigation channel oval cups, 2.0 x 8.0 mm, curved upwards, straight, cutting edge, conical shaft, 22cm	Cái	50-520-01	1 Cái/Gói				
406	Micro laryngeal forceps with irrigation channel, alligator jaw, straight, serrated, conical shaft, 22 cm	Cái	50-520-02	1 Cái/Gói				
407	Micro laryngeal forceps with irrigation channel, alligator jaw, curved upwards, serrated, conical shaft, 22 cm	Cái	50-520-03	1 Cái/Gói				
408	Micro laryngeal forceps with irrigation channel, alligator jaw, curved right, serrated, conical shaft, 23 cm	Cái	50-520-04	1 Cái/Gói				
409	Micro laryngeal forceps with irrigation channel, alligator jaw, left curved, serrated, conical shaft, 22 cm	Cái	50-530-01	1 Cái/Gói				
410	Micro laryngeal forceps with irrigation channel, heart shape, curved upwards, straight, conical shaft, 22 cm	Cái	50-530-02	1 Cái/Gói				
411	Micro laryngeal forceps with irrigation channel, heart shape, curved upwards 45° right, conical shaft, 22 cm	Cái	50-530-03	1 Cái/Gói				
412	Micro laryngeal forceps with irrigation channel, heart shape, curved upwards, 45° left, conical shaft, 22 cm, TAN coating	Cái	50-532-01	1 Cái/Gói				
413	Micro laryngeal scissors with irrigation channel, left curved, conical shaft, 22 cm	Cái	50-550-18	1 Cái/Gói				
414	Micro laryngeal forceps with irrigation channel, very delicate, round cups, 1,0mm, straight, conical shaft, 17 cm	Cái	50-550-23	1 Cái/Gói				
415	Micro laryngeal forceps with irrigation channel, very delicate, round cups, 1.0 mm, straight, conical shaft, 22 cm	Cái	50-551-18	1 Cái/Gói				

STT	Tên sản phẩm	Đơn vị tính	Chủng loại/Mã sản phẩm	Quy cách đóng gói	Tên cơ sở sản xuất/ hãng, nước sản xuất	Tên cơ sở chủ sở hữu/nước chủ sở hữu	Tên cơ sở bảo hành	Địa chỉ cơ sở bảo hành
416	Micro laryngeal forceps with irrigation channel, very delicate, round cups,1.0 mm, right curved, conical shaft, 17 cm	Cái	50-551-23	1 Cái/Gói	SPIGGLE & THEIS MEDIZINTECHNIK GMBH Burghof 14 D - 51491 Overath. Đức	SPIGGLE & THEIS MEDIZINTECHNIK GMBH Burghof 14 D - 51491 Overath. Đức	Công Ty TNHH Thiết Bị Y Tế Sao Mai	58 Ba Vân, Phường 14, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh
417	Micro laryngeal forceps with irrigation channel,very delicate,round cups,1.0 mm, right curved,conical shaft, 22 cm	Cái	50-552-18	1 Cái/Gói				
418	Micro laryngeal forceps with irrigation channel, very delicate, round cups,1,0 mm left curved, conical shaft, 17 cm	Cái	50-552-23	1 Cái/Gói				
419	Micro laryngeal forceps with irrigation channel, very delicate,round cups,1.0 mm, left curved, conical shaft, 22 cm	Cái	50-553-18	1 Cái/Gói				
420	Micro laryngeal forceps with irrigation channel, very delicate, round cups,1.0mm, curved upwards, conical shaft, 17 cm	Cái	50-553-23	1 Cái/Gói				
421	Micro laryngeal forceps with irrigation channel,very delicate,round cups,1.0 mm, curved upwards, conical shaft, 22 cm	Cái	50-560-18	1 Cái/Gói				
422	Micro laryngeal forceps with irrigation channel, very delicate, alligator jaw, 1,0 mm, straight, conical shaft, 17 cm	Cái	50-560-23	1 Cái/Gói				
423	Micro laryngeal forceps with irrigation channel, very delicate, alligator jaw, 1.0 mm, straight, conical shaft, 22 cm	Cái	50-561-18	1 Cái/Gói				
424	Micro laryngeal forceps with irrigation, channel, very delicate, alligator jaw, 1.0mm, right curved, conical shaft, 17cm	Cái	50-561-23	1 Cái/Gói				
425	Micro laryngeal forceps with irrigation channel, very delicate, alligator jaw, 1.0 mm, right curved, conical shaft, 22 cm	Cái	50-562-18	1 Cái/Gói				
426	Micro laryngeal forceps with irrigation channel, very delicate, alligator jaw, 1,0 mm, left curved, conical shaft, 17cm	Cái	50-562-23	1 Cái/Gói				
427	Micro laryngeal forceps with irrigation channel, very delicate, alligator jaw, 1.0 mm, left curved, conical shaft, 22cm	Cái	50-570-18	1 Cái/Gói				
428	Micro laryngeal scissors with irrigation channel, very delicate, 1.0 mm, straight, conical shaft, 17 cm	Cái	50-570-23	1 Cái/Gói				
429	Micro laryngeal scissors with irrigation channel, very delicate, 1.0mm, straight, conical shaft, 22 cm	Cái	50-571-18	1 Cái/Gói				
430	Micro laryngeal scissors with irrigation channel, very delicate, 1.0 mm, right curved, conical shaft, 17 cm	Cái	50-571-23	1 Cái/Gói				
431	Micro laryngeal scissors with irrigation channel, very delicate, 1.0 mm, right curved, conical shaft, 22 cm	Cái	50-572-18	1 Cái/Gói				
432	Micro laryngeal scissors with irrigation channel, very delicate, 1.0 mm, left curved, conical shaft, 17 cm	Cái	50-572-23	1 Cái/Gói				
433	Micro laryngeal scissors with irrigation channel, very delicate, 1.0 mm, left curved, conical shaft, 22 cm	Cái	50-573-18	1 Cái/Gói				
434	Micro laryngeal scissors with irrigation channel, very delicate, 1.0 mm, curved upwards, conical shaft, 17 cm	Cái	50-573-23	1 Cái/Gói				
435	Micro laryngeal scissors with irrigation channel, very delicate, 1.0 mm, curved upwards, conical shaft, 22 cm	Cái	50-580-18	1 Cái/Gói				
436	Micro laryngeal forceps with irrigation channel, very delicate, heartshaped jaw 1.0mm, right curved, conical shaft, 17cm	Cái	50-580-23	1 Cái/Gói				
437	Micro laryngeal forceps with irrigation channel,very delicate,heartshaped, 1.0mm right curved, conical shaft, 22 cm	Cái	50-581-18	1 Cái/Gói				
438	Micro laryngeal forceps with irrigation channel, very delicate, heartshaped 1.0 mm, left curved, conical shaft, 17 cm	Cái	50-581-23	1 Cái/Gói				
439	Towel clamp, curved, ball-end, 13 cm, for careful holding of paper towels	Cái	80-400-15	1 Cái/Gói				
440	Allis tissue holding forceps, straight, 4:5 teeth, 15.5 cm	Cái	80-401-14	1 Cái/Gói				
441	Baby-Allis tissue holding forceps, straight, 4:5 teeth, 14 cm	Cái	80-403-15	1 Cái/Gói				
442	Braun hook forceps, 4:4 teeth, sharp, straight, 15.5 cm	Cái	80-405-20	1 Cái/Gói				
443	Duval tissue forceps, straight, 15 mm wide, 20 cm	Cái	80-407-16	1 Cái/Gói				
444	Kidney bowl stainless steel, 275 mm	Cái	80-528-13	1 Cái/Gói				
445	Forceps holder stainless steel, Ø 50 mm, height 135 mm	Cái	80-528-18	1 Cái/Gói				
446	Forceps holder, stainless steel, Ø 50 mm, height 180 mm	Cái	80-528-20	1 Cái/Gói				
447	Forceps holder, stainless steel, 95 mm Ø, 200 mm high	Cái	80-530-20	1 Cái/Gói				
448	Wullstein suction handle with suction control, 10.5	Cái	10-305-11	1 Cái/Gói				
449	House suction handle with suction control, 5 cm	Cái	10-306-05	1 Cái/Gói				
450	Tisch handle for micro curettes	Cái	10-665-00	1 Cái/Gói				
451	Heermann handle, large, black, 13 cm	Cái	10-722-13	1 Cái/Gói				
452	Heermann handle, small, black, 9 cm	Cái	10-723-09	1 Cái/Gói				
453	Suction adapter, rotatable, 70° curved luer-lock male	Cái	10-851-00	1 Cái/Gói				
454	Endoscope handle, round stainless steel, moulded grip, 11 cm for 2.7 mm endoscope	Cái	30-151-27	1 Cái/Gói				
455	Endoscope handle, round stainless steel, moulded grip, 11 cm for 4 mm endoscope	Cái	30-151-40	1 Cái/Gói				
456	Suction- and irrigation handle for endoscopes	Cái	30-161-00	1 Cái/Gói				
457	Tapia adenoid spatula, 15 holes	Cái	40-520-00	1 Cái/Gói				
458	Laryngeal forceps, curved, tubular, shaft, alligator jaws, horizontal, working length 17 cm, with irrigation	Cái	40-575-00	1 Cái/Gói				
459	Huber Universal handle, standard	Cái	40-576-20	1 Cái/Gói				
460	Medasil teeth protector, silicone, non-sterile, 20 pieces per box	Cái	50-300-00	1 Cái/Gói				